

MUA

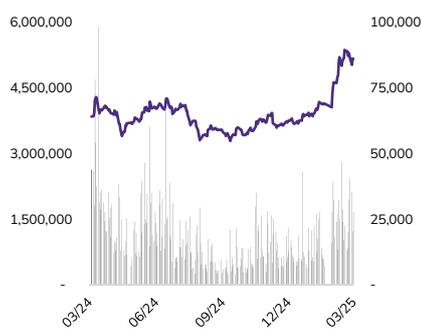
Phạm Hồng Trường

Email: truong.phamhong@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Xây dựng
Ngày báo cáo	: 17/03/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 82.800
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 96.800
Tỷ lệ tăng (%)	: 16,9%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 8.627
SLCPLH (CP)	: 106.500.404

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2Q25	2Q26
Tăng trưởng DTT (%)	21,7%	45,3%
Tăng trưởng LNST (%)	51,4%	117,8%
Biên LNG (%)	2,9%	3,7%
Biên LNST (%)	1,5%	2,3%
ROA (%)	1,5%	2,5%
ROE (%)	4,4%	8,7%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,31	0,56
EPS (VND/CP)	1.009	2.199
BVPS (VND/CP)	83.857	90.563

Nguồn: CTD, ABS Research

(* CTD áp dụng niên độ tài chính (NĐTC) từ 01/07 – 30/06

Nền tảng tăng trưởng vững chắc

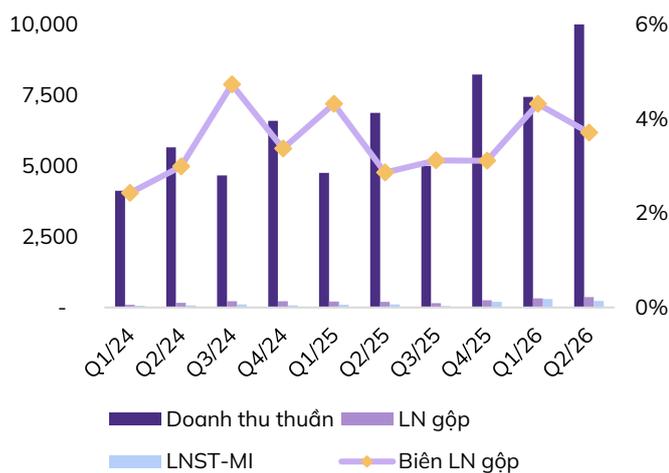
- KQKD Q2/NĐTC 2026 tiếp tục tích cực.** Cụ thể, doanh thu thuần Q2/NĐTC 2026 của CTD đạt 10 nghìn tỷ đồng (+45% svck và +34% QoQ). Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (LNST-MI) trong quý đạt 228 tỷ đồng (+118% svck và -23% QoQ). Doanh nghiệp duy trì lợi nhuận tích cực svck khi duy trì biên lợi nhuận gộp tốt ở mức 3,7% (tăng 0,8 điểm % so với Q2/NĐTC 2025). Biên LNG ghi nhận sự cải thiện, nhưng ở mức thấp hơn so với nhóm doanh nghiệp xây dựng dân dụng do CTD hoạt động theo mô hình tổng thầu với nhiều thầu phụ giúp dễ dàng gia tăng khối lượng công trình nhưng cũng làm tăng chi phí thi công. LNST-MI Q2/NĐTC 2026 giảm so với Q1/NĐTC 2026 do không phát sinh khoản thu nhập khác (189 tỷ đồng) từ thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh tại dự án The Emerald 68. Nếu loại trừ khoản thu nhập bất thường này, LNST-MI trong Q2/NĐTC 2026 của CTD ước tăng 58% so với Q1/NĐTC 2026.
- Lũy kế 6T/NĐTC 2026, mảng xây dựng dân dụng tăng trưởng tốt, đóng góp tích cực vào KQKD.** Trong nửa đầu NĐTC 2026, CTD ghi nhận doanh thu đạt 17,5 nghìn tỷ đồng (+50% svck), LNST-MI đạt 523 tỷ đồng (gấp 2,6 lần svck). Theo đó, doanh nghiệp đã lần lượt hoàn thành 58% kế hoạch doanh thu và 75% kế hoạch lợi nhuận cả năm.
- Giá trị backlog đạt mức cao kỷ lục.** Doanh thu của CTD tăng mạnh nửa đầu NĐTC 2026 chủ yếu được đóng góp bởi hoạt động xây dựng dân dụng khi CTD tiếp tục bàn giao theo tiến độ từ backlog đã ký với loạt đối tác lớn như Vingroup, Sungroup, Ecopark, CapitaLand,... Giá trị trúng thầu mới trong Q2/NĐTC 2026 đạt khoảng 18 nghìn tỷ đồng (+7% svck), nâng khối lượng backlog tại thời điểm giữa NĐTC 2026 của CTD lên mức 62,5 nghìn tỷ đồng, tăng 78,6% so với cuối NĐTC 2025, đạt mức cao nhất trong lịch sử doanh nghiệp. Các hợp đồng ký mới phần lớn vẫn tập trung vào nhóm các khách hàng lớn quen thuộc (chiếm 94%), phản ánh chiến lược “repeat sales” (chiến lược tái ký hợp đồng với khách hàng cũ) hiệu quả của doanh nghiệp. Ngoài ra, thị trường BĐS tích cực với nguồn cung tiếp tục tăng mạnh trong nửa cuối năm 2025 (đầu NĐTC 2026) đã giúp cải thiện doanh thu của CTD khi mảng xây dựng dân dụng chiếm hơn 70% backlog bên cạnh xây dựng công nghiệp (~20%) và xây dựng hạ tầng (~10%).
- Doanh thu tài chính trong nửa đầu NĐTC 2026 đạt 165 tỷ đồng (+29% svck), chủ yếu nhờ lãi tiền gửi tăng khi lượng tiền tăng mạnh.** Trong khi đó, chi phí tài chính cũng tăng mạnh lên mức 110 tỷ đồng (+50% svck) do gia tăng nợ vay trong bối cảnh lượng backlog của doanh nghiệp đạt mức kỷ lục.
- Mở rộng chuỗi giá trị sản xuất trong ngành xây dựng.** Trong tháng 12/2025 (Q2/NĐTC 2026), HĐQT CTD đã phê duyệt việc mua 100% vốn góp GEO Foundations Việt Nam (trước đây là Bauer Việt Nam) – công ty chuyên về lĩnh vực kỹ thuật nền móng. Theo đó, CTD có thể mở rộng hoạt động lĩnh vực thi công, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh cốt lõi, tăng thêm nguồn doanh thu cũng như củng cố vị thế tổng thầu xây dựng hàng đầu trong ngành.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/NĐTC 2026 VÀ 6T/NĐTC 2026

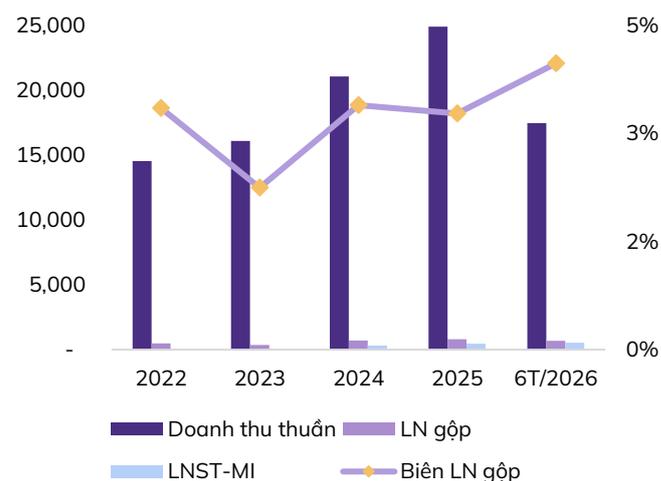
Chỉ tiêu	2QFY25	2QFY26	%YoY	1HFY25	1HFY26	%YoY
Doanh thu thuần	6.886	10.007	45,3%	11.645	17.459	49,9%
Lợi nhuận gộp	197	371	88,2%	403	693	72,1%
Biên LN gộp (%)	2,9%	3,7%		3,5%	4,0%	
Chi phí BH & QLDN	(102)	(115)	12,9%	(220)	(271)	23,1%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT (%)	-1,5%	-1,1%		-1,9%	-1,6%	
Doanh thu tài chính	57	88	53,6%	128	165	29,0%
Chi phí tài chính	(34)	(60)	75,9%	(73)	(110)	50,0%
Chi phí lãi vay	(38)	(61)	58,7%	(70)	(105)	50,1%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	118	284	140%	238	478	101%
Lợi nhuận trước thuế	136	285	110%	252	661	162%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	105	228	118%	198	523	165%
Biên LN ròng (%)	1,5%	2,3%		1,7%	3,0%	

Nguồn: CTD, ABS Research

KQKD theo quý của CTD (tỷ VND)

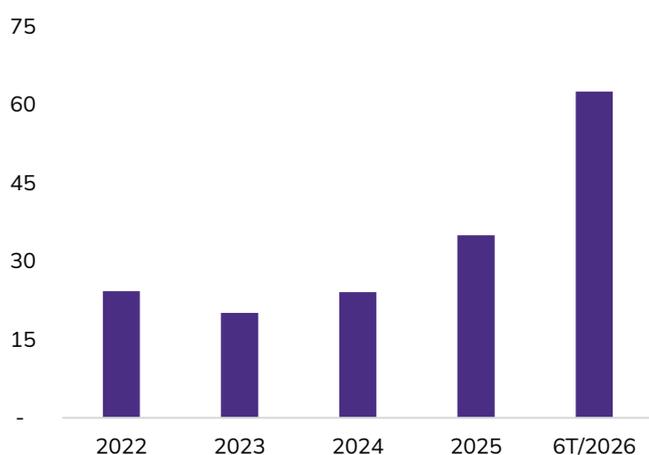


KQKD giai đoạn 2022 – 6T/2026 của CTD (tỷ VND)

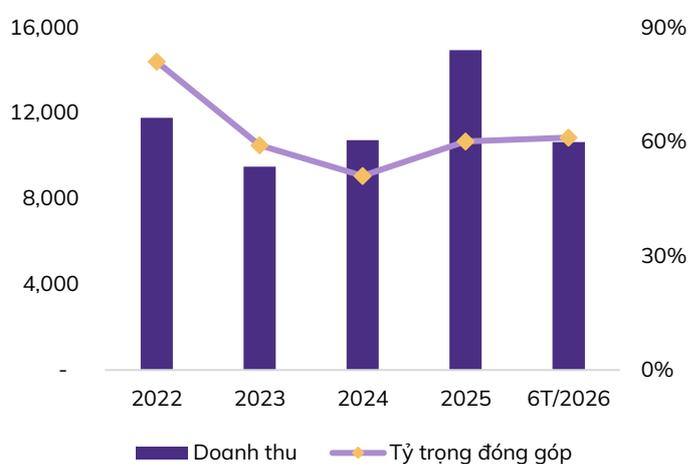


Nguồn: CTD, ABS Research

Giá trị backlog chuyển tiếp của CTD (nghìn tỷ VND)



Doanh thu & Tỷ trọng đóng góp mảng xây dựng dân dụng



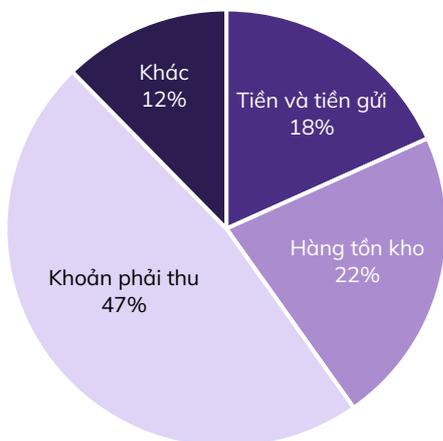
Nguồn: CTD, ABS Research

- **Tình hình tài chính lành mạnh trong ngành xây dựng.**

- **Khoản phải thu tăng nhẹ, chiếm tỷ trọng lớn nhất tổng tài sản.** Tại thời điểm cuối Q2/NĐTC 2026, giá trị các khoản phải thu của CTD ở mức 16,4 nghìn tỷ đồng (chiếm 48% tổng tài sản), tăng nhẹ 3% so với cuối NĐTC 2025. Phần lớn khoản phải thu là phải thu khách hàng 15,5 nghìn tỷ đồng, số dư trích lập dự phòng ở mức 1,2 nghìn tỷ đồng (giảm so với cuối NĐTC 2025 do tăng khoản hoàn nhập dự phòng).
- **Hàng tồn kho tăng mạnh khi lượng backlog tăng cao kỷ lục.** Tại thời điểm 31/12/2025, hàng tồn kho của CTD có giá trị 7,6 nghìn tỷ đồng (chiếm 22% tổng tài sản), tăng 27% so với cuối NĐTC 2025, chủ yếu đến từ giá trị các công trình đang xây dựng của doanh nghiệp khi lượng backlog ở mức cao kỷ lục.
- **Lượng tiền gia tăng và duy trì ở mức tốt.** Tại thời điểm cuối Q2/NĐTC 2026, lượng tiền của CTD (bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn) ở mức 6,3 nghìn tỷ đồng (chiếm 18% tổng tài sản, tăng 50% so với thời điểm cuối NĐTC 2025). Lượng tiền tăng mạnh trong nửa đầu NĐTC 2026 khi CTD gia tăng huy động nợ vay để phục vụ cho việc thực hiện các công trình mới của doanh nghiệp khi khối lượng thi công tăng mạnh. CTD là doanh nghiệp hiếm hoi trong ngành xây dựng thường xuyên duy trì lượng tiền ở mức ổn định nhờ vị thế hàng đầu trong ngành cùng khách hàng là những chủ đầu tư lớn, quản lý tốt các khoản công nợ phải thu phải trả. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh các năm gần đây có sự cải thiện, mặc dù NĐTC 2025 ở mức âm do gia tăng mạnh các khoản phải thu khi giá trị các hợp đồng tăng mạnh, giá trị các khoản nợ xấu cũng giảm.
- **Nợ vay tăng mạnh, nhưng vẫn ở mức an toàn.** Giá trị nợ vay cuối Q2/NĐTC 2026 của CTD ở mức 5,2 nghìn tỷ đồng (tương đương 15% tổng tài sản), tăng 76% so với cuối NĐTC 2025. Trong đó, khoản vay ngắn hạn có giá trị 5 nghìn tỷ đồng (tăng 70% so với cuối NĐTC 2025) còn vay dài hạn giá trị 180 tỷ đồng (cuối NĐTC 2025 là 2 tỷ đồng). Gần đây, trong tháng 2/2026 (Q3/NĐTC 2026), CTD cũng đã hoàn tất phát hành thành công 1,4 nghìn tỷ đồng trái phiếu, kỳ hạn 3 năm với lãi suất cố định 9%/năm để tối ưu cấu trúc vốn, phục vụ hoạt động sản xuất và mở rộng kinh doanh. Hệ số D/E ở mức 0,56 lần, thấp hơn trung bình các doanh nghiệp xây dựng trong ngành.

Gần đây, trong tháng 2/2026 (Q3/NĐTC 2026), CTD đã thông báo chào bán thành công 14 triệu trái phiếu với tổng giá trị trái phiếu huy động là 1.400 tỷ đồng. Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm, lãi suất cố định là 9%/năm, là mức lãi suất rất tốt so với mặt bằng thị trường. Lãi trái phiếu được thanh toán sau, trả định kỳ 6 tháng/lần. Nguồn vốn huy động từ lô trái phiếu này sẽ được Coteccons sử dụng theo đúng phương án đã công bố, nhằm tối ưu cấu trúc vốn phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh, đồng thời hỗ trợ mở rộng hoạt động trong chu kỳ tăng trưởng 2025–2030.

Cơ cấu tài sản của CTD tại 31/12/2025 (tỷ VND)

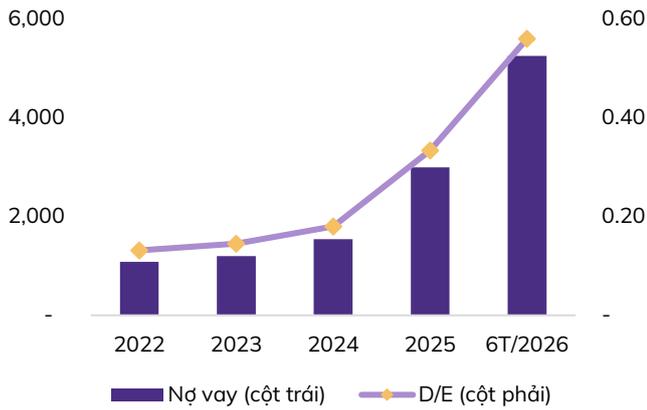


Dòng tiền của CTD giai đoạn 2022 – 6T/2026 (tỷ VND)

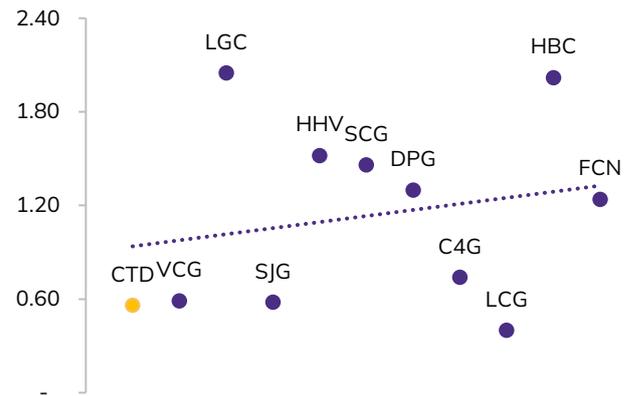


Nguồn: CTD, ABS Research

Quy mô nợ vay và hệ số D/E của CTD



Tỷ lệ D/E các doanh nghiệp xây dựng tại 31/12/2025



Nguồn: CTD, ABS Research

- Chúng tôi nhận định triển vọng của CTD tích cực thời gian tới dựa trên các yếu tố sau:**

 - Nắm giữ vị thế tổng thầu có năng lực hàng đầu cả nước.** CTD đã vượt qua giai đoạn tái cấu trúc đội ngũ lãnh đạo và bộ máy công ty, giúp doanh nghiệp lấy lại phong độ và khẳng định vị thế tổng thầu dẫn đầu ngành xây dựng trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Doanh nghiệp đã chứng minh được năng lực, kinh nghiệm dày dặn thi công các công trình phức tạp, có yêu cầu nghiêm ngặt về nền móng và kết cấu; đồng thời duy trì hệ thống quản trị tốt, đáp ứng các tiêu chuẩn ESG của chủ đầu tư trong nước và nước ngoài.
 - Lượng backlog lớn đảm bảo tăng trưởng doanh thu.** Giá trị backlog cuối Q2/NĐTC 2026 của CTD ở mức cao nhất trong lịch sử, khoảng 62,5 nghìn tỷ đồng nhờ đóng góp của cả 3 phân khúc xây dựng: dân dụng (~70%), công nghiệp (~20%) và hạ tầng (~10%). Backlog dự án xây dựng dân dụng của CTD chủ yếu đến từ chiến lược “repeat sales” với các đối tác chính cũng là các chủ đầu tư bất động sản lớn tại Việt Nam như Sun Group, Vingroup, Ecopark bên cạnh chiến lược “go global” (mở rộng thị trường quốc tế) tới các thị trường như Đài Loan, Ấn Độ. Trong bối cảnh, nguồn cung thị trường BĐS được dự báo tiếp tục tăng thời gian tới bên cạnh dòng vốn đầu tư nước ngoài dự kiến tích cực trở lại sau thời gian biến động vì những áp lực thuế quan của Mỹ, sẽ giúp cho lượng backlog của CTD tiếp tục được cải thiện. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng mở rộng mảng kinh doanh sang các dự án hạ tầng trong bối cảnh loạt công trình hạ tầng lớn đang được Chính phủ tập trung triển khai như các công trình phục vụ APEC 2027 (gói thầu 4.500 tỷ đồng), Cảng hàng không quốc tế Gia Bình (tham gia thi công những hạng mục quan trọng của sân bay quốc tế Gia Bình với tổng vốn đầu tư hơn 196.3 nghìn tỷ đồng), ...
 - Tình hình tài chính lành mạnh, nhiều dư địa tăng vay nợ hỗ trợ mở rộng kinh doanh.** Tỷ lệ tiền mặt và tiền gửi của CTD chiếm trung bình khoảng hơn 20% tổng tài sản; tỷ lệ Nợ vay/VCSH ở mức thấp hơn trung bình ngành, chủ yếu là nợ vay ngắn hạn, mặc dù nợ vay tăng mạnh thời gian vừa qua nhưng để phục vụ cho khối lượng công trình khổng lồ của doanh nghiệp. Ngoài ra, thời gian vừa qua, CTD cũng đã cải thiện khả năng thu hồi các khoản phải thu khi nợ xấu giảm mạnh so với cùng kỳ trong bối cảnh thị trường BĐS tích cực giúp giảm rủi ro trích lập dự phòng. Tình hình tài chính lành mạnh giúp doanh nghiệp có nhiều dư địa mở rộng kinh doanh, chịu được độ trễ của dòng tiền khi triển khai nhiều công trình lớn.

- ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ NĐTTC 2026 của CTD của ở mức 747 tỷ đồng (+63% svck). KQKD của 2 quý cuối NĐTTC 2026 sẽ chịu ảnh hưởng của tính mùa vụ và đà tăng của giá vật liệu xây dựng khiến biên lợi nhuận giảm. EPS & BVPS NĐTTC 2026F dự kiến đạt 7.006 đ/cp và 91.114 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 11,9x và 0,9x lần. ROE dự kiến đạt 7,8%.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu CTD với giá mục tiêu 96.800 đ/cp (+16,9% so với giá hiện tại).

Phương pháp	Giá (đồng)	Tỷ trọng
FCFF	98.976	50%
P/B	94.668	50%
Giá trung bình (đồng/cổ phiếu)		96.822

Nguồn: ABS Research

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA CTD

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	16.088	21.045	24.885	30.359
Giá vốn hàng bán	(15.727)	(20.333)	(24.069)	(29.236)
Lợi nhuận gộp	361	712	815	1.123
Doanh thu tài chính	332	280	256	436
Chi phí tài chính	(170)	(105)	(205)	(333)
Chi phí bán hàng	(0)	(0)	(1)	(2)
Chi phí QLDN	(479)	(581)	(331)	(469)
Lợi nhuận từ HĐKD	25	306	533	755
Lãi/lỗ khác	68	80	19	179
Lợi nhuận trước thuế	93	386	552	934
Lợi nhuận sau thuế	68	310	456	747
LNST cổ đông Công ty mẹ	68	310	456	747

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
LCT thuần từ HĐKD	603	25	(1.152)	(2.893)
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	483	240	303	274
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(115)	63	1.352	2.860
LCT thuần trong kỳ	970	328	503	241
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	913	1.883	2.210	2.713
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	1.883	2.211	2.713	2.954

Chỉ số tài chính	2023	2024	2025	2026F
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,58	1,44	1,35	1,38
Khả năng thanh toán nhanh	1,28	1,13	0,98	1,03
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,32	0,29	0,21	0,30
Khả năng thanh toán lãi vay	1,93	5,22	4,86	4,40

Cơ cấu vốn	2023	2024	2025	2026F
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,39	0,38	0,30	0,27
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,61	0,62	0,70	0,73
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,14	0,18	0,33	0,60

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2023	2024	2025	2026F
Số ngày phải thu	255,43	206,70	198,90	193,44
Số ngày phải trả	120,51	101,94	103,84	94,48
Số ngày tồn kho	69,46	56,31	68,93	78,48

Khả năng sinh lời	2023	2024	2025	2026F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	2,2%	3,4%	3,3%	3,7%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	-0,2%	1,2%	2,2%	2,4%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	0,4%	1,5%	1,8%	2,5%
ROE	0,8%	3,7%	5,2%	8,0%
ROA	0,3%	1,4%	1,7%	2,3%
ROIC	1,5%	3,9%	5,2%	7,0%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.883	2.210	2.712	2.954
+ Đầu tư ngắn hạn	2.180	1.868	1.589	4.552
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	12.079	12.024	15.870	18.008
+ Hàng tồn kho	3.148	3.126	5.964	6.609
+ Tài sản ngắn hạn khác	593	1.228	1.827	1.875
Tài sản ngắn hạn	19.884	20.456	27.963	33.998
+ Các khoản phải thu dài hạn	399	699	29	35
+ Tài sản cố định	523	456	442	422
+ Bất động sản đầu tư	50	331	308	303
+ Tài sản dở dang dài hạn	33	115	50	152
+ Đầu tư dài hạn	304	309	315	315
+ Tài sản dài hạn khác	182	503	595	693
Tài sản dài hạn	1.491	2.413	1.738	1.920

Tổng Tài sản	21.375	22.869	29.701	35.918
+ Vay ngắn hạn	697	1.519	2.984	4.385
+ Phải trả người bán	5.196	6.161	7.534	7.601
+ Nợ ngắn hạn khác	6.710	6.543	10.165	12.701
Nợ ngắn hạn	12.603	14.223	20.684	24.688
+ Vay dài hạn	498	21	3	1.462
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	3	33	50	54
Nợ dài hạn	500	54	53	1.516
Tổng nợ phải trả	13.103	14.278	20.736	26.203
+ Vốn cổ phần	788	1.036	1.036	1.088
+ Thặng dư vốn cổ phần	2.958	2.880	2.714	2.714
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	388	698	1.054	1.801
+ Quỹ khác	4.137	3.977	4.160	4.111
Vốn chủ sở hữu	8.272	8.591	8.965	9.714
Tổng cộng nguồn vốn	21.375	22.869	29.701	35.918

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2023	2024	2025	2026F
Tăng trưởng doanh thu	10,7%	30,8%	18,2%	22,0%
Tăng trưởng LNNT	165,9%	316,9%	43,0%	69,0%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	225,5%	602,0%	-11,0%	3,0%
Tăng trưởng EPS	142,9%	388,2%	37,3%	53,6%
Tăng trưởng VCSH	0,7%	3,9%	4,4%	8,4%
Tăng trưởng Tổng tài sản	12,7%	7,0%	29,9%	20,9%

Định giá (lần)	2023	2024	2025	2026F
P/E	101,32	21,11	18,75	11,16
P/B	0,62	0,82	0,97	0,86
EV/EBITDA	7,62	8,56	9,09	40,53
EV/Sales	0,14	0,21	0,30	1,73
EPS (đồng/cp)	680	3.320	4.560	7.006
BVPS (đồng/cp)	111.151	85.968	88.382	91.114

Nguồn: CTD, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tra hạo
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây